

Bản án số: 422/2023/HC-PT

Ngày: 16 - 6 - 2023

V/v “Khiếu kiện quyết định và  
hành vi về bồi thường, hỗ trợ và tái  
định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số: 132/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định và hành vi về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2022/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1202/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1941 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phan Đăng H1, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 175 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Huỳnh Quang H2, chức vụ: Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Trần Quang L3 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố P (có mặt).

Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Lê Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thị H do người đại diện theo ủy quyền ông Phan Đăng HI trình bày:*

Bản án số 23/2018/HC-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bản án số 90/2018/HC-PT ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật, xét xử hủy các quyết định bồi thường, hỗ trợ và kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà H đối với diện tích 12.888,5m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hai bản án, ngày 29/10/2020 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6128/QĐ-UBND bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ về đất, tổng số tiền 19.454.649.300 đồng. Trong đó, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà H với số tiền 8.790.048.000 đồng là không đúng quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, vì chưa nhân hệ số điều chỉnh.

Việc thu hồi đất của bà H là thu hồi hết đất và trên đất có 01 căn nhà duy nhất mà gia đình bà H có 06 nhân khẩu đang sinh sống, nên gia đình bà H phải được cấp tái định cư để ổn định đời sống, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P không xét tái định cư cho bà H là không đúng quy định.

Bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy một phần Quyết định số 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ ổn định đời sống liên quan đến mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang với số tiền là 22.420.572.600 đồng.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bổ sung nền tái định cư cho gia đình bà Lê Thị H.

*Tại Văn bản số 294/UBND-NCPC ngày 22/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P do người đại diện ông Trần Chiến Thắng trình bày:*

\* Đối với nội dung hủy một phần Quyết định số 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; buộc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang với số tiền tăng thêm 22.420.572.600 đồng là không có căn cứ, với lý do như sau:

Trên cơ sở Bản án sơ thẩm số 23/2018/HC-ST ngày 31/5/2018 và Bản án phúc thẩm số 90/2019/HC-PT ngày 05/3/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P thống nhất lập phương án bồi thường diện tích 12.888.5m<sup>2</sup> và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích 12.865,4m<sup>2</sup> (trong diện tích 12.888.5m<sup>2</sup>), diện tích còn lại 23,1m<sup>2</sup> không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 4717/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch sinh thái B. Theo phương án được phê duyệt, bà H được bồi thường với diện tích 12.888,5m<sup>2</sup> với số tiền 10.403.540.200 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với diện tích 12.865,4m<sup>2</sup> với số tiền 8.790.048.000 đồng (cụ thể diện tích 6.906,4m<sup>2</sup> thuộc vị trí trong 200m đất mặt biển với đơn giá 900.000 đồng/m<sup>2</sup> “đơn giá 300.000 đồng x 3 lần” diện tích 5.959m<sup>2</sup> thuộc vị trí 2 của tỉnh lộ 45 với đơn giá 432.000 đồng/m<sup>2</sup> “đơn giá 144.000 đồng x 3 lần”. Với đơn giá đất hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành tại Quyết định 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29/10/2020 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 6128/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Lê Thị H, với nội dung bồi thường đất đai số tiền 10.403.540,200 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số tiền 8.790,048,000 đồng; bồi thường về cây trồng số tiền 155.289.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc số tiền 64.192.100 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống số tiền 41.580.000 đồng.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố áp giá hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Lê Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; khoản 4 Điều 1 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Do đó, bà H khởi kiện hủy một phần quyết định số 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và buộc Ủy ban nhân dân thành phố áp dụng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cho trường hợp hỗ trợ chuyển đổi nghề có nhân với hệ số điều chỉnh giá đất cho bà H là không phù hợp, vì tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà H, thì nội dung quy định về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã được điều chỉnh sửa đổi bởi Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang không quy định nhân hệ số điều chỉnh giá đất.

\* Đối với nội dung, buộc Ủy ban nhân dân thành phố cấp 01 nền tái định cư:

Trường hợp của bà Lê Thị H không đủ điều kiện để xét cấp nền tái định cư, vì tại thời điểm xét duyệt lập phương án vào năm 2011, bà H đã có nhà ở và đất ở tại thửa đất số 22 tờ bản đồ số 6 với diện tích 1.698,5m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở) thuộc Tổ 1 ấp G, xã G và đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 641904 cấp ngày 04/10/2010. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố cũng xác định căn nhà bà H ở chính (ở thường xuyên) là căn nhà tại Tổ 1 ấp G, xã G, thành phố P và cũng theo bà Lê Thị H xác định (tại biên bản làm việc 15/8/2014) căn nhà tạm trên diện tích đất bị thu hồi là do bà H cất vào năm 2009.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố không xem xét hỗ trợ nền tái định cư cho bà Lê Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là quy định tại Điều 24 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang).

Với các nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị H.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2022/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định như sau:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu: “Hủy một phần Quyết định 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Lê Thị H; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bổ sung hỗ

trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm có nhân hệ số điều chỉnh khi thu hồi đất của bà Lê Thị H theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; yêu cầu cấp một suất tái định cư và yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất 23,1m<sup>2</sup>”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2022, người khởi kiện bà Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Lê Thị H (có ông Phan Đăng H1 đại diện theo ủy quyền) thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy một phần Quyết định số 6128/QĐ-UBND đối với mục hỗ trợ chuyển đổi nghề hiện theo quyết định trên là 8.790.048.000 đồng. Do căn cứ Quyết định 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thì số tiền này phải được nhân thêm hệ số điều chỉnh 1,25 là 8.790.048.000 đồng x 1,25 = 10.987.560.000 đồng. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng hệ số điều chỉnh, vì bà H đủ điều kiện áp dụng hệ số k theo quy định pháp luật. Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm người khởi kiện có yêu cầu về khoản lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Tuy nhiên, người khởi kiện không kháng cáo nội dung này để tránh kéo dài vụ án, nhưng qua đó cho thấy sự thiệt hại về quyền lợi của người dân khi Nhà nước thu hồi đất.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu:* Ủy ban nhân dân thành phố P không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà H, vì yêu cầu của bà H là không có căn cứ. Về chính sách bồi thường phải có đủ điều kiện phương án được phê duyệt và có quyết định thu hồi đất tại thời điểm phê duyệt phương án. Ban đầu việc thu hồi phần đất của bà H thì Ủy ban nhân dân thành phố P không thực hiện chính sách bồi thường, sau đó bà H khởi kiện bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì Ủy ban nhân dân thành phố P mới thực hiện việc bồi thường. Chính sách pháp luật thời điểm đó đã thay đổi, có lợi cho bà H như thay đổi về giá bồi thường, hỗ trợ. Nếu căn cứ thời điểm thu hồi đất năm 2016 thì đất bà H không có bồi thường, và bảng giá đất thời điểm này so với bảng giá đất năm 2018 là thấp hơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện Bản án số 23/2018/HC-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bản án số 90/2019/HC-PT ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29/10/2020 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6128/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích đất 12.865,4m<sup>2</sup> của bà Lê Thị H với các nội dung:

*“Bổ sung bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Lê Thị H:*

- Bồi thường về đất: 10.403.540.200 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 8.790.048.000 đồng.
- Bồi thường về cây trồng: 155.289.000 đồng.
- Bồi thường vật kiến trúc: 64.192.100 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 41.580.000 đồng.
- Tổng cộng: 19.454.649.300 đồng....”.

Bà H khởi kiện đề nghị hủy một phần Quyết định 6128/QĐ-UBND đối với khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề (số tiền 8.790.048.000 đồng), yêu cầu được áp dụng hệ số điều chỉnh khi tính hỗ trợ, theo đó số tiền bà H được nhận đối với khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề là 8.790.048.000 đồng x 1,25 = 10.987.560.000 đồng. Bởi, Ủy ban nhân dân thành phố P đã thu hồi đất của gia đình bà và gia đình bà đã giao đất từ năm 2016. Tại thời điểm này thì các quyết định mà Ủy ban nhân dân đã áp dụng để ban hành Quyết định 6128/QĐ-UBND chưa có hiệu lực pháp luật. Việc đến năm 2020 mới ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ là do lỗi của phía Ủy ban nhân dân thành phố P, nên việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà H phải căn cứ vào Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (Đây là quyết định đang có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thu hồi đất).

[3] Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà H, thì nội dung quy định về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 đã được điều chỉnh sửa đổi bởi Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Tại Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 thì không quy định nhân hệ số điều chỉnh giá đất. Đồng thời giá đất bồi thường theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND

ngày 13/01/2020 là cao hơn so với giá đất tại thời điểm thu hồi đất là đã có lợi cho bà H.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Ngày 26/11/2013 Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 5712/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị H, trong đó **không** bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, **không** hỗ trợ di dời và chuyển đổi nghề nghiệp. Ngày 30/11/2015 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định 6282/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà H để thực hiện Dự án khu du lịch sinh thái B tại xã Gành Dầu, huyện P, tỉnh Kiên Giang, gia đình bà H đã giao đất từ năm 2016. Do không đồng ý với các quyết định bồi thường trên, bà H khởi kiện, đã được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 23/2018/HC-ST ngày 31/5/2018 và Bản án phúc thẩm số 90/2019/HC-PT ngày 05/3/2019. Thực hiện các bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích 12.865,4m<sup>2</sup> đất của bà H.

[4.1] Xét thấy, Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) đã thu hồi phần đất của bà H từ năm 2013, và gia đình bà H đã giao đất từ năm 2016. Thời điểm Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất của bà H thì Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đang có hiệu lực pháp luật, nên việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất của bà H phải căn cứ vào Quyết định có hiệu lực vào thời điểm thu hồi đất (trừ việc áp dụng các quyết định ban hành sau có lợi cho người dân).

Mặt khác, tại Điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 3 của Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND (Quyết định mà Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng để ban hành quyết định hành chính bị kiện), có nội dung: *“Đối với các dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư... trước ngày quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo quyết định này”*. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND để ban hành Quyết định số 6128/QĐ-UBND là không đúng.

Hơn nữa, tại mục 1 Điều 14 Quyết định Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND quy định: *“... Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhân với hệ số điều chỉnh (nếu có) đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá 2 hecta”*. Theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thì đất của bà H bị thu hồi thuộc B, huyện P, có hệ số 1,25. Đối chiếu với quy định trên thì yêu cầu của bà H được áp dụng hệ số điều chỉnh 1,25 lần khi tính hỗ trợ chuyển đổi nghề là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Việc năm 2020 Ủy ban nhân dân thành phố P sửa sai bằng việc thi hành bản án của Tòa án, để ban hành

Quyết định số 6128/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình bà H là chậm 04 năm (kể từ ngày bà H giao đất). Việc chậm trễ này là do lỗi của Ủy ban nhân dân thành phố P, đã làm thiệt hại về việc sinh lợi từ tổng số tiền (19.454.649.300 đồng) được bồi thường theo Quyết định số 6128/QĐ-UBND (Nếu tính theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng thì số tiền thiệt hại khoảng từ 6.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng) nhưng phía người khởi kiện đã không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[4.3] Đối với các nội dung yêu cầu hỗ trợ diện tích đất 23,1m<sup>2</sup> và chính sách tái định cư thì tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không yêu cầu, đồng ý với bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Án phí:

- Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.
- Bà Lê Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị H; Sửa bản án sơ thẩm số 101/2022/HC-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 62, Điều 83, Điều 84, Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

Hủy một phần Quyết định 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với mục hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà Lê Thị H;

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định bổ sung khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà Lê Thị H (áp dụng hệ số điều chỉnh 1,25).

2/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc:

Hủy một phần Quyết định 6128/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc; yêu cầu cấp một suất tái định cư và yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất 23,1m<sup>2</sup>.

II/Án phí:

- Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Lê Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (10) 17b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**